

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 48, 147, 157, 158, 212, 213, 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2024;

Căn cứ văn bản đồng ý ngày 12 tháng 6 năm 2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên hòa giải, đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hồ A S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái.

- *Bị đơn:* Anh Giàng A V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Giàng A V1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Giàng A V1 là anh Giàng A V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; theo văn bản ủy quyền ngày 29-5-2024.

+ Anh Giàng A D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Giàng Thị M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Giàng Thị M là anh Giàng A V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; theo văn bản ủy quyền ngày 24-5-2024.

+ Giàng Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Giàng Thị S, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bị đơn anh Giàng A V được quyền sử dụng 837.9 m² đất chuyên trồng lúa nước (có trích lục bản đồ địa chính kèn theo và là bộ phận không thể tách rời của Quyết định); diện tích 837.9 m² đất chị C đồng ý để anh V được quyền sử dụng nằm trong diện 1.658,8 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BM 972600; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 023799, thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, địa chỉ khu Đ, thuộc thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 1.658,8 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến tháng 12 năm 2032, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, được UBND huyện Trạm Tấu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21-12-2012, mang tên Giàng A C và Hờ Thị C.

Chị C có trách nhiệm cùng anh V đến cơ quan có thẩm quyền làm tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối diện tích 837.9 m² đất cho anh V theo quy định của pháp luật.

2.2. Bị đơn anh Giàng A V có trách nhiệm:

2.2.1. Thanh toán cho nguyên đơn chị Hờ Thị C số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng.

2.2.2. Trả lại nguyên đơn chị Hờ Thị C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BM 972600, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 023799, thửa

đất số 2, tờ bản đồ số 58, địa chỉ khu Đ, thuộc thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, diện tích 1.658,8 m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 1.658,8 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến tháng 12 năm 2032, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, được UBND huyện Trạm Tấu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21-12-2012, mang tên Giàng A C và Hồ Thị C.

3. Đình chỉ giải quyết (do chị C rút một phần yêu cầu khởi kiện) đối với phần yêu cầu của nguyên đơn chị Giàng Thị C yêu cầu bị đơn anh Giàng A V phải trả lại: 340,1 m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BM972599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02378, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 58, địa chỉ: Đ thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, diện tích 340,1 m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BM972599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02378, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 58, địa chỉ: Đ thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, diện tích 340,1 m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn.

Chị Hồ Thị C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc yêu cầu anh V phải trả lại 340,1 m² đất và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BM972599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02378, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 58, địa chỉ: Đ thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, diện tích 340,1 m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn anh Giàng A V nhận chịu cả tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng và phải hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn chị Hồ Thị C.

5. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Hồ Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Hồ Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0000463 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn anh Giàng A V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lên